



guān fāng

官方

Noun · of/by the government; official

Example Sentences

zhè shì guān fāng xiāo xī
这是官方消息。

This is official news.

guān fāng shàng wèi duì cǐ chuán wén zuò chū zhèng shì huí yìng
官方尚未对此传闻作出正式回应。

The authorities have not yet issued an official response to this rumor.

nǐ què dìng zhè ge tōng zhī shì guān fāng de ma
你确定这个通知是官方的吗？

Are you sure this notice is official?

Trace each character, then write the word on your own.

官	官	官	官	官	官	官	官	官	官	官
方	方	方	方	方	方	方				